

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2024

V/v Tranh chấp “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nhơn.

2. Bà Lê Ngọc Như Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 591/2023/HNST ngày 12/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1982; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: F Hậu Giang, Phường A, Quận F, TP .; Địa chỉ cư trú: 7 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Hứa Thị Thu L, sinh năm 1983; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: F Hậu Giang, Phường A, Quận F, TP .; Địa chỉ cư trú: 7 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Trí T trình bày:

Ông Nguyễn Trí T và bà Hứa Thị Thu L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 05/07/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận F, TP . cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà 7 Hậu Giang, Phường A, Quận F cùng gia đình ông T, hạnh phúc trong thời gian 10 năm. Đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do thời gian làm việc của vợ chồng lệch nhau, ông T làm giờ hành chính, bà L làm việc từ 14 giờ đến 22 giờ, không có thời gian dành cho nhau. Từ đó, vợ chồng bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, chăm lo con cái và gia đình, thường xuyên cãi vã. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên nhủ, hàn gắn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Để tránh ảnh hưởng con, từ năm 2019 dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm nhau, chuyện ai nấy làm, bà L đi đâu, làm gì cũng không chia sẻ với ông

T, chỉ thỉnh thoảng nói chuyện về con. Nay tình cảm không còn, ông T xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Loan A, sinh ngày 01/08/2008, hiện ông T đang nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trí T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Hứa Thị Thu L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Hứa Thị Thu L vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay, ôngThức có đơn xin vắng mặt, không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Hứa Thị Thu L.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận F, bà Hứa Thị Thu L có thực tế cư trú tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông T có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông Nguyễn Trí T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Hứa Thị Thu L vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ÔngNguyễn Trí Thức và bà Hứa Thị Thu L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận F, TP . cấp ngày 05/07/2007. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Theo ôngThức thì từ năm 2017 do không có thời gian dành cho nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong mọi việc, thường xuyên cãi vã với

nhau. Đến năm 2019, dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không còn chia sẻ, quan tâm nhau, chuyện ai người đó làm, thỉnh thoảng chỉ nói chuyện về con. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn được nữa.

Về phía bà Hứa Thị Thu L, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho bà Loan về việc ông T có đơn yêu cầu ly hôn bà L. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay bà L không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông T, cũng không đến Tòa án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa bà L và ông T đã không còn gắn bó; bà L không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía ông Nguyễn Trí T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của ông T là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Loan A, sinh ngày 01/08/2008, hiện ông T đang nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trí T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Hứa Thị Thu L cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bà L thường hay vắng nhà, ông Thức là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con, đồng thời cũng phù hợp nguyện vọng của trẻ muốn ở với ông T. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông T, giao con chung là trẻ Nguyễn Ngọc L1 Anh cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Trí T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Trí T đối với bà Hứa Thị Thu L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01/2007 ngày 05/07/2007 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận F, TP . cấp cho ông Nguyễn Trí T và bà Hứa Thị Thu L không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Loan A, sinh ngày 01/08/2008 cho ông Nguyễn Trí T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Trí T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hứa Thị Thu L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trí T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0038424 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP ..

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Thương

